

VN-Index giảm mạnh 2,5%

Ngày báo cáo

20/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm mạnh 2,5%

VN-Index giảm 2,5% (-43,9 điểm) vào thứ Hai, chốt phiên tại 1.743,5 điểm. Mức giảm sâu diễn ra ở tất cả các nhóm ngành. Vật liệu, Công nghiệp và Dịch vụ Tài chính là những nhóm có diễn biến kém khả quan nhất. Toàn sàn ghi nhận 46 mã tăng, 329 mã giảm và 26 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 19,6 nghìn tỷ đồng.

- Ở nhóm Vật liệu, GVR (-6,1%), HPG (-5,7%), NKG (-6,7%), DGC (-4,0%) và DCM (-4,6%) giảm mạnh.
- Các mã nhóm Công nghiệp bao gồm GEX (-7,0%), GEL (-6,8%), VCG (-6,8%) và GEE (-6,5%) giảm sàn hoặc gần chạm mức giá sàn. Ngược lại, BMP (+2,2%) tăng mạnh.
- Các cổ phiếu Dịch vụ Tài chính VIX (-6,9%), SSI (-6,4%), VCI (-5,9%) và VCK (-5,0%) giảm sâu.
- Các mã giảm đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty Bất động sản BCM (-6,9%) và VRE (-5,3%), Ngân hàng BID (-4,6%) và TCB (-4,8%), cùng các cổ phiếu Hàng tiêu dùng HVN (-6,1%), MSN (-4,7%) và PNJ (-4,7%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.743,5	284,4	126,3
% Δ	-2,5%	-2,5%	-0,8%
- % Δ 1 tuần	-3,2%	-2,6%	-0,1%
- % YTD	-2,3%	13,5%	4,6%
- % YOY	16,4%	14,8%	20,6%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	747,5	49,8	14,4
- TB 1 tháng (triệu)	677,3	40,3	17,8
- TB 1 năm (triệu)	1.117,2	76,1	29,2
- TB QTD	653,8	44,4	16,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-22,7%	-0,7%	-18,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	55,7	0,2	0,1
- Bán (triệu)	57,4	1,7	0,2
- GT ròng (triệu)	-1,7	-1,5	-0,1
Độ rộng TT			
Mã tăng	45	31	76
Mã giảm	309	128	202
Không đổi	70	143	572
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	315,3	18,1	47,4
P/E trượt 12T	12,8	11,3	15,4
LS cổ tức*	2,8%	4,6%	3,7%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.893,0	35.097	1.610,98
VN30F2M	1.893,7	773	3,42
VN30F1Q	1.890,2	894	0,17
VN30F2Q	1.883,7	20	0,19
VN100F1M	1.804,9	58	0,53
VN100F2M	1.840,0	14	0,07
VN100F1Q	1.815,0	85	0,18
VN100F2Q	1.821,8	2	0,03
USD/VND		26.290	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- KDH: Phó Tổng Giám đốc đăng ký mua 20 triệu cổ phiếu KDH
- PVS: LNST 6T 2026 tăng trưởng tích cực 32% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
- BMP: Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- GEE: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 2 tăng 51% YoY nhờ ghi nhận doanh thu kỷ lục; dự báo LNST sau lợi ích CĐTS có tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD
- LPB: Chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2 - Báo cáo KQKD
- NT2: Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD
- QTP: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Báo cáo trong ngày

- DGC: Việc tạm dừng khai thác mỏ gây áp lực lên biên lợi nhuận; rủi ro pháp lý vẫn còn - Cập nhật
- GVR: Đền bù đất tăng và giá bán trung bình cao su ổn định dự kiến hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận - Cập nhật
- SIP: Thu nhập cốt lõi và sự cải thiện của doanh số bán đất KCN sẽ hỗ trợ duy trì triển vọng lợi nhuận - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index vi phạm vùng 1.770 điểm, điểm tựa quan trọng của cấu trúc trung hạn, qua đó xác nhận tín hiệu giảm ở cả ngắn và trung hạn. Tuy nhiên, việc đánh mất các vùng hỗ trợ quan trọng có thể tạo ra nhịp hồi phục kỹ thuật trong những phiên tới, với vùng kiểm định lại gần nhất quanh 1.770 điểm. Nếu áp lực bán kéo dài, mục tiêu giảm kế tiếp nằm tại khu vực 1.700 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

KDH: Phó Tổng Giám đốc đăng ký mua 20 triệu cổ phiếu KDH

* Ông Lý Tuấn Kiệt, Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) và là con trai của ông Lý Diễn Sơn, Phó Chủ tịch HĐQT, đã đăng ký mua 20 triệu cổ phiếu KDH thông qua phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận trong giai đoạn từ ngày 23/7 đến ngày 21/8/2026. Nếu giao dịch hoàn tất, tỷ lệ sở hữu của ông Kiệt sẽ tăng từ 623.635 cổ phiếu, tương đương 0,056%, lên 20,62 triệu cổ phiếu, tương đương 1,838% vốn điều lệ của KDH.

PVS: LNST 6T 2026 tăng trưởng tích cực 32% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi

* Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) công bố KQKD sơ bộ 6T 2026 với doanh thu đạt 18,0 nghìn tỷ đồng (+35% YoY; hoàn thành 43% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST trước lợi ích CĐTS báo cáo đạt 820 tỷ đồng (+32% YoY; hoàn thành 42% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Tăng trưởng chủ yếu được dẫn dắt bởi mảng Cơ khí & Xây lắp (M&C), với doanh thu đạt 11,4 nghìn tỷ đồng (+29% YoY; hoàn thành 38% dự báo năm 2026 của chúng tôi), nhờ tiến độ triển khai các dự án lớn, bao gồm Lô B, Lạc Đà Vàng, Sư Tử Trắng giai đoạn 2B và các dự án điện gió ngoài khơi. Các mảng khác cũng duy trì tăng trưởng tích cực, bao gồm doanh thu dịch vụ tàu hỗ trợ ngoài khơi đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+66% YoY; hoàn thành 76% dự báo năm 2026 của chúng tôi), doanh thu quản lý FPSO/FSO đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+12% YoY; hoàn thành 46% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và doanh thu vận hành & bảo dưỡng đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+24% YoY; hoàn thành 40% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Trong quý 2/2026, doanh thu sơ bộ đạt 9,3 nghìn tỷ đồng (+27% YoY) và LNST báo cáo đạt 385 tỷ đồng (+20% YoY). Kết quả quý tích cực được hỗ trợ bởi tiến độ tiếp tục được đẩy mạnh tại các dự án M&C trọng điểm. Trong quý 2, PVS đã ký hợp đồng EPCIC cho dự án Sư Tử Trắng giai đoạn 2B, hạ thủy khối thượng tầng Lạc Đà Vàng và bàn giao FSO PTSC Lạc Đà Vàng để phục vụ công tác lắp đặt ngoài khơi.

* Kết quả 6T nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, với doanh thu và LNST báo cáo lần lượt hoàn thành 43% và 42% dự báo năm 2026. Do PVS thường khá thận trọng trong các ước tính sơ bộ, lợi nhuận 6T thực tế trong giai đoạn 2019–2025 cao hơn số liệu sơ bộ trung bình 16%. Vì vậy, chúng tôi hiện chưa nhận thấy thay đổi đáng kể đối với dự báo lợi nhuận năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

BMP: Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* CTCP Nhựa Bình Minh (BMP) đã công bố KQKD quý 2/2026 như sau:

- Doanh thu thuần: 1.320 tỷ đồng (-9% QoQ, +1% YoY).

- LNST sau lợi ích CĐTS: 367 tỷ đồng (+21% QoQ, +11% YoY) – mức cao nhất theo quý từ trước đến nay.

* KQKD 6T 2026:

- Doanh thu thuần: 2.777 tỷ đồng (+3% YoY; 41% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- LNST sau lợi ích CĐTS: 671 tỷ đồng (+9% YoY; 52% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Doanh thu quý 2 giảm so với quý trước và gần như đi ngang so với dù BMP đã tăng giá bán trong tháng 4/2026, cho thấy sản lượng bán sụt giảm mạnh. BMP đã tăng giá niêm yết từ đầu tháng 4 (khoảng 15% đối với PVC, 30% đối với HDPE, 15% đối với PPR), tuy nhiên doanh thu thuần quý 2 chỉ tăng nhẹ YoY và giảm 9% QoQ – cho thấy sản lượng tiêu thụ giảm khoảng hơn 20% QoQ và hơn 10% YoY. Chúng tôi cho rằng sản lượng tiêu thụ suy yếu chủ yếu (1) do tổng mức chiết khấu giảm mạnh (-60% QoQ, -34% YoY), và (2) khả năng do nhu cầu có thể đã suy yếu (khả năng trong tháng 5-6) khi người mua trì hoãn mua hàng với kỳ vọng giá sẽ hạ nhiệt sau khi xung đột tại Trung Đông hạ nhiệt – một diễn biến mà chúng tôi cũng quan sát thấy tại thị trường thép xây dựng.

* Biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong hơn một thập kỷ nhờ biên lợi nhuận gộp duy trì ổn định và mức chiết khấu giảm mạnh. Biên lợi nhuận gộp quý 2 duy trì ở mức 46,7% (so với 47,2% trong quý 1 và 46,7% trong quý 2/2025). Ban đầu, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ tăng so với quý trước nhờ giá bán trung bình cao hơn và lượng hàng tồn kho giá thấp mà BMP đã tích lũy cho nửa đầu năm 2026 (theo chia sẻ của ban lãnh đạo tại sự kiện VAD 2026), nhưng biên lợi nhuận gộp thực tế lại giảm nhẹ so với quý trước từ mức nền cao, khả năng do sản lượng giảm mạnh khiến chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng lên. Tuy nhiên, biên lợi nhuận ròng vẫn đạt 27,8% – mức cao nhất trong một thập kỷ và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi – khi mức cải thiện đến từ yếu tố chiết khấu: tỷ lệ tổng chiết khấu/doanh thu giảm mạnh xuống 8,3% trong quý 2 (so với 18,7% trong quý 1 và 12,8% trong quý 2/2025) – mức thấp nhất theo quý kể từ năm 2023. Nhờ đó, LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 đạt mức cao nhất theo quý dù doanh thu khá khiêm tốn.

* Nhìn chung, kết quả lợi nhuận quý 2 phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi, với LNST sau lợi ích CĐTS lũy kế nửa đầu năm đạt 52% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ điều chỉnh các giả định về sản lượng tiêu thụ và chiết khấu để phản ánh kết quả quý 2 mới nhất, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Đối với nửa cuối năm, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận sẽ trở lại mức bình thường từ mức nền cao của nửa đầu năm khi lượng hàng tồn kho giá thấp cạn dần. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GEE: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 2 tăng 51% YoY nhờ ghi nhận doanh thu kỷ lục; dự báo LNST sau lợi ích CĐTS có tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo (2,1 nghìn tỷ đồng, -36% YoY), và dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi (2,1 nghìn tỷ đồng, +1% YoY) năm 2026 của chúng tôi, nhờ tiềm năng tăng trưởng lớn hơn kỳ vọng của doanh thu, dù vẫn cần chờ thêm đánh giá chi tiết.

* Quý 2/2026: Doanh thu đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (+46% YoY), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 768 tỷ đồng (+51% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 705 tỷ đồng (+34% YoY).

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi lập mức cao kỷ lục mới, chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức doanh thu cao kỷ lục trong quý (+46% YoY) nhờ mức tăng 48% YoY của doanh số mảng thiết bị điện (do giá đồng tăng 40% YoY và sản lượng bán tiếp tục mở rộng); và (2) mức tăng gần gấp 3 lần của doanh thu tài chính (lên 109 tỷ đồng) nhờ số dư tiền gửi lớn hơn (trong đó thu nhập lãi đạt 88 tỷ đồng, cao hơn so với mức 6 tỷ đồng trước đây). Các yếu tố này đã góp phần bù đắp cho việc biên lợi nhuận gộp giảm xuống mức 14,3% (-1,6 điểm % YoY, đi ngang QoQ, phù hợp với dự báo cả năm của chúng tôi là 14,3%).

- LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo thấp hơn lợi nhuận cốt lõi, do công ty ghi nhận khoản chi phí một lần khác trị giá 73 tỷ đồng (cao hơn so với mức 2 tỷ đồng ghi nhận trong quý 2/2025).

* KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026): Doanh thu đạt 16,6 nghìn tỷ đồng (+41% YoY, hoàn thành 53% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+41% YoY, hoàn thành 64% dự báo năm 2026 của chúng tôi), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+31% YoY, hoàn thành 61% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- Doanh thu tăng trưởng 41% YoY và hoàn thành 53% dự báo cả năm của chúng tôi, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng. Kết quả này được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 39% của giá bán trung bình đồng và (2) đà tăng trưởng của sản lượng.

- LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo hoàn thành 61% dự báo cả năm, và cao hơn so với dự báo của chúng tôi. Kết quả này được hỗ trợ bởi việc biên lợi nhuận gộp tổng hợp đạt 14,3% đúng như dự kiến, trong khi doanh thu cao hơn kỳ vọng và chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) thấp hơn so với dự báo của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

LPB: Chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2 - Báo cáo KQKD

* Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPB) công bố KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 11,2 nghìn tỷ đồng (+16,8% YoY) và LNTT đạt 6,0 nghìn tỷ đồng (-3,1% YoY), lần lượt hoàn thành 46% và 42% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, LNTT 6T 2026 mới chỉ hoàn thành 40% kế hoạch cả năm của ngân hàng là 14.982 tỷ đồng (+5,0% YoY). Nhìn chung, mặc dù tăng trưởng tín dụng của ngân hàng ghi nhận sự cải thiện, đồng thời, chất lượng tài sản và NIM nhìn chung duy trì ổn định trong quý 2/2026, nhưng tăng trưởng lợi nhuận YoY vẫn chỉ ghi nhận ở mức khiêm tốn, do chi phí tín dụng và chi phí hoạt động tăng mạnh từ mức nền thấp của cùng kỳ năm trước.

* Tăng trưởng tín dụng trong 6T 2026 đạt 9,6% với tín dụng tăng mạnh 6,6% trong quý 2/2026, so với mức 2,9% trong quý 1/2026. Tăng trưởng tín dụng của LPB trong 6T chủ yếu được thúc đẩy bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp (+21,3% so với đầu năm), trong khi phân khúc khách hàng bán lẻ giảm đáng kể (-6,3% so với đầu năm). Tương tự quý 1, chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng yếu hơn tại phân khúc bán lẻ chủ yếu xuất phát từ mặt bằng lãi suất cao, do khách hàng bán lẻ thường nhạy cảm hơn với biến động lãi suất cho vay so với khách hàng doanh nghiệp. Theo quan điểm của chúng tôi, phần lớn các ngân hàng trong ngành cũng ghi nhận diễn biến tương tự trong quý 2 và 6T, với tăng trưởng cho vay doanh nghiệp cao hơn so với tăng trưởng cho vay bán lẻ.

* Tiền gửi khách hàng trong 6T 2026 tăng 4,7%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng. Giấy tờ có giá tăng mạnh 23,2%, góp phần bù đắp sự thiếu hụt trong huy động. Tỷ lệ CASA của LPB đạt 6,4%, giảm 1,3 điểm % YoY và 0,2 điểm % QoQ.

* Thu nhập lãi thuần (NII) 6T 2026 của LPB tăng 10,7% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tích cực, nhưng phần nào bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm của NIM (2,58%, -21 điểm cơ bản YoY).

* Xét theo quý, NIM quý 2/2026 nhìn chung đi ngang QoQ ở mức 2,65%, nhưng giảm 35 điểm cơ bản YoY. Nguyên nhân là chi phí vốn tăng mạnh (+121 điểm cơ bản YoY, +82 điểm cơ bản QoQ), lẫn át mức tăng của lợi suất tài sản (+73 điểm cơ bản YoY, +74 điểm cơ bản QoQ).

* Về chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu duy trì ổn định trong quý 2/2026 ở mức 1,85% (+2 điểm cơ bản QoQ, +11 điểm cơ bản YoY). Tuy nhiên, tỷ lệ nợ nhóm 2 đã tăng lên 1,24% trong quý (+17 điểm cơ bản QoQ, +30 điểm cơ bản YoY). Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của LPB trong quý 2/2026 đã giảm nhẹ từ mức 70% trong quý trước xuống mức 67%.

* Chi phí tín dụng quy năm trong 6T 2026 tăng lên 0,76%, so với 0,38% trong 6T 2025. LPB đã xử lý rủi ro 1.115 tỷ đồng nợ xấu trong 6T 2026, tương đương với tỷ lệ quy năm trên tổng dư nợ cho vay là 0,55%.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) trong 6T 2026 tăng trưởng tích cực, đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (+33,4% YoY). Trong đó, thu nhập phí dịch vụ thuần của LPB đã tăng mạnh 53,7% YoY lên mức 2,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ khoản mục "thu nhập phí thuần khác". Lãi từ kinh doanh ngoại hối tăng mạnh lên mức 457 tỷ đồng (+151% YoY) cũng đóng góp tích cực vào kết quả thu ngoài lãi của LPB. Trong khi đó, thu nhập khác đã giảm mạnh 54,5% YoY xuống mức 278 tỷ đồng, chủ yếu do sự sụt giảm của thu hồi nợ xấu (204 tỷ đồng, -67,8% YoY).

* Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) trong 6T 2026 đạt 32,9% (+4,0 điểm % YoY), do chi phí hoạt động tăng 32,8%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 16,8% của TOI. Chi phí hoạt động tăng mạnh ở cả chi phí nhân sự (+37,5% YoY) và chi phí ngoài nhân sự (+26,7% YoY). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NT2: Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng - Báo cáo KQKD

* **Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST cốt lõi năm 2026 (847 tỷ đồng, -4% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết**, do LNST cốt lõi 6T 2026 đã hoàn thành 69% dự báo cả năm nhờ giá bán trung bình (ASP) khả quan và sản lượng Qc trong nửa cuối năm 2026 cao hơn đáng kể so với kỳ vọng (theo các doanh nghiệp trong ngành). Chúng tôi hiện duy trì khuyến nghị MUA đối với NT2, với mức giá mục tiêu 28.800 đồng/cổ phiếu.

* **6T 2026:** Sản lượng điện thương phẩm đạt 2,1 tỷ kWh (+57% YoY, hoàn thành 53% dự báo năm 2026 của chúng tôi), doanh thu đạt 5,0 nghìn tỷ đồng (+42% YoY, hoàn thành 57% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST báo cáo đạt 583 tỷ đồng (+61% YoY, hoàn thành 67% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

- Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST báo cáo đến từ (1) sản lượng điện thương phẩm tăng 57% YoY, (2) chi phí khấu hao giảm 267 tỷ đồng (-78% YoY) do các tài sản lớn đã được khấu hao hết, (3) chi phí bảo dưỡng giảm 54% YoY (phù hợp với Thông tư 99 khi chính sách hạch toán trích trước chi phí không còn được áp dụng) và (4) thu nhập tài chính tăng 93% YoY, qua đó bù trừ cho (5) mức nền cao của 6T 2025 với khoản doanh thu đến bồi cho 220 triệu kWh sản lượng Qc không được huy động, (6) thuế suất tăng gấp 2 lần lên mức 20% từ năm 2026 và (7) chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 51% YoY.

- NT2 ghi nhận tỷ lệ Qc đạt 87% trong 6T 2026, phù hợp với dự báo cả năm của chúng tôi là 88%. **Theo các doanh nghiệp trong ngành, sản lượng Qc trong nửa cuối năm 2026 đạt 2,2 tỷ kWh, tương ứng sản lượng Qc cả năm 2026 đạt mức 4,0 tỷ kWh (+16% YoY), cao hơn 15% so với dự báo của chúng tôi.**

* **Quý 2/2026:** Sản lượng điện thương phẩm đạt 1.195 triệu kWh (+54% YoY), doanh thu đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+36% YoY) và LNST báo cáo đạt 403 tỷ đồng (+23% YoY).

- Doanh thu tăng 36% YoY nhờ sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 54% YoY, dù bị ảnh hưởng một phần bởi mức nền cao của quý 2/2025 với khoản doanh thu đến bồi cho 180 triệu kWh sản lượng Qc không được huy động.

- Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng mạnh của LNST đến từ (1) doanh thu tăng 36% YoY, (2) chi phí khấu hao giảm 134 tỷ đồng (-78% YoY) và (3) thu nhập tài chính tăng gấp 2 lần YoY, qua đó bù trừ cho (4) thuế suất cao hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

QTP: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

- CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) ghi nhận doanh thu quý 2/2026 đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (+27% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 327 tỷ đồng (+72% YoY). Tăng trưởng lợi nhuận mạnh so với cùng kỳ chủ yếu nhờ (1) chênh lệch giá điện – nhiên liệu tăng 19% YoY, được hỗ trợ bởi chi phí nhiên liệu tương đối thấp hơn so với các nhà máy nhiệt điện than khác như PPC và HND, (2) sản lượng điện thương phẩm tăng 5% YoY nhờ được huy động cao hơn, và (3) doanh thu tài chính tăng mạnh lên 17 tỷ đồng, so với 2 tỷ đồng trong quý 2/2025, phản ánh thu nhập lãi tiền gửi cao hơn nhờ số dư tiền gửi lớn hơn sau khi Công ty đã hoàn tất trả nợ. Các yếu tố tích cực này bù đắp cho chi phí bảo dưỡng và các chi phí khác tăng 29% YoY lên 206 tỷ đồng.

- Trong 6T 2026, QTP ghi nhận doanh thu đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (+10% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 524 tỷ đồng (+44% YoY). Tăng trưởng lợi nhuận mạnh chủ yếu nhờ (1) chênh lệch giá điện – nhiên liệu cải thiện 13% YoY, (2) sản lượng điện thương phẩm tăng 1% YoY, và (3) doanh thu tài chính tăng mạnh lên 34 tỷ đồng, so với 6 tỷ đồng trong 6T 2025, sau khi chi phí lãi vay được loại bỏ và thu nhập lãi tiền gửi tăng. Các yếu tố tích cực này bù đắp cho chi phí bảo dưỡng và các chi phí khác tăng 26% YoY lên 385 tỷ đồng.

- Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận cả năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết, do doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 lần lượt hoàn thành 54% và 76% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng chủ yếu nhờ chênh lệch giá điện – nhiên liệu và doanh thu tài chính cao hơn dự kiến, qua đó bù đắp cho chi phí bảo dưỡng và các chi phí khác cao hơn dự kiến.

- Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với QTP, với giá mục tiêu 14.600 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

DGC: Việc tạm dừng khai thác mỏ gây áp lực lên biên lợi nhuận; rủi ro pháp lý vẫn còn - Cập nhật

Ngành	Hóa chất		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	20/07/2026	TT Doanh thu	14%	-6%	1%	15%
Giá hiện tại	44.800 VND	TT EPS	1%	-33%	9%	27%
Giá mục tiêu	52.100 VND	Biên LN gộp	31,5%	20,3%	22,6%	25,4%
Giá mục tiêu gần nhất	91.200 VND	Biên LN ròng	26,9%	19,2%	20,9%	22,9%
TL tăng	+16,3%	EV/EBITDA	1,8x	2,9x	2,5x	2,0x
Lợi suất cổ tức	2,2%	P/E	6,0x	8,9x	8,2x	6,4x
Tổng mức sinh lời	+18,5%	P/B	1,1x	1,0x	0,9x	0,8x
GT vốn hóa	17,0 nghìn tỷ đồng		DGC	VNI		
Room KN	7,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	6,6x	14,8x		
GTGD/ngày (30n)	31,6 tỷ đồng	P/B (hiện tại)	1,1x	2,1x		
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROA	14,0%	15,1%		
SL cổ phiếu lưu hành	380 tr	ROE	17,2%	2,3%		
Pha loãng	380 tr					

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 43% giá mục tiêu và hạ khuyến nghị xuống KHẢ QUAN (từ MUA) trong bối cảnh giá cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) đã giảm 35% trong ba tháng qua.

* Giá mục tiêu thấp hơn của chúng tôi chủ yếu phản ánh mức điều chỉnh giảm 37% đối với tổng dự báo EBITDA cốt lõi giai đoạn 2026–2027 và mức chiết khấu định giá 15% nhằm phản ánh tình trạng cổ phiếu DGC hiện đang bị hạn chế giao dịch và thuộc diện cảnh báo. Điều này được bù đắp một phần bởi việc cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2027.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh giảm 36%/39%/37% dự báo LNST sau CĐTS các năm 2026/27/28, chủ yếu do (1) loại bỏ hoàn toàn giả định về việc tự chủ nguồn quặng đầu vào, (2) lùi tiến độ vận hành của các dự án xút-clo và bất động sản (BDS), và (3) loại bỏ đóng góp lợi nhuận từ mảng ethanol kể từ năm 2027F.

* Chúng tôi loại bỏ hoàn toàn giả định về nguồn quặng tự chủ, từ mức tự chủ 50%/năm trước đó. Chúng tôi lưu ý rằng kết quả điều tra cũng như các tác động liên quan đến các mỏ vẫn đang chờ kết luận của cơ quan chức năng (xem trang 3).

* Chúng tôi lùi thời điểm vận hành thương mại của dự án xút-clo sang quý 1/2027 (từ quý 2/2026), phù hợp với cập nhật mới nhất của công ty về việc dự kiến chạy thử trong quý 4/2026. Chúng tôi điều chỉnh giả định hiệu suất hoạt động lần lượt là 0%/65%/70% (so với mức 65%/90%/90% trước đó) trong các năm 2026/27/28.

* Chúng tôi lùi thời điểm ghi nhận doanh thu mảng BDS sang giai đoạn 2028-29 (từ 2027-28), phản ánh tiến độ phê duyệt đầu tư chậm hơn dự kiến.

* Chúng tôi loại bỏ đóng góp lợi nhuận từ mảng ethanol kể từ năm 2027, theo nghị quyết của DGC về việc chuyển nhượng tài sản nhà máy ethanol, kỳ vọng trong năm 2026. Chúng tôi chưa đưa vào bất kỳ khoản lợi nhuận bất thường tiềm năng nào từ giao dịch này do cần chờ thêm thông tin về giá trị và thời điểm thực hiện.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm dự phóng biên lợi nhuận gộp của DGC xuống lần lượt 20,3%/22,6%/25,4% trong các năm 2026/27/28 (từ mức 26,7%/27,5%/27,5%), chủ yếu do loại bỏ giả định tự chủ nguồn quặng. Chúng tôi lưu ý rằng biên lợi nhuận năm 2026-2027 của DGC còn chịu áp lực từ việc tăng thuế xuất khẩu P4 mà chúng tôi đã đưa vào Báo cáo Cập nhật trước đó, và được bù đắp một phần bởi đà tăng mạnh hiện tại của giá P4.

* Rủi ro: Chênh lệch giá thị trường thu hẹp mạnh hơn dự kiến; các dự án bị trì hoãn/loại bỏ; các thay đổi bất lợi đối với chính sách xuất khẩu photpho; các khoản phạt hoặc nghĩa vụ tài chính bổ sung tiềm ẩn liên quan đến cuộc điều tra đang diễn ra.

* Yếu tố hỗ trợ: 1) Tình trạng hạn chế giao dịch được gỡ bỏ, 2) hoạt động khai thác quặng tự chủ được phục hồi.

GVR: Đền bù đất tăng và giá bán trung bình cao su ổn định dự kiến hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận - Cập nhật

Ngành	KCN & Cao su		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	20/07/2026	TT Doanh thu	10,8%	11,3%	4,9%	5,5%
Giá hiện tại	29.700 VND	TT EPS	33,3%	28,6%	10,6%	1,0%
Giá mục tiêu	32.100 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	5.319	6.839	7.561	7.636
Giá mục tiêu gần nhất	30.500 VND	Biên LN gộp	29,8%	29,7%	29,7%	30,0%
TL tăng	+8,1%	Biên LN ròng	18,3%	21,1%	22,3%	21,3%
Lợi suất cổ tức	1,3%	P/E	22,3x	17,4x	15,7x	15,6x
Tổng mức sinh lời	+9,4%	P/B điều chỉnh	2,0x	1,8x	1,6x	1,5x
GT vốn hóa	118,4 nghìn tỷ đồng			GVR	Peers*	VNI
Room KN	14,7 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		18,6x	15,3x	14,8x
GTGD/ngày (30n)	57,9 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,9x	1,6x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	96,8%	ROE		11,3%	9,3%	15,1%
SL cổ phiếu lưu hành	4,0 tỷ	ROA		7,5%	3,8%	2,3%
Pha loãng	4,0 tỷ	* P/B điều chỉnh				

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 5% giá mục tiêu đối với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) lên 32.100 đồng/cổ phiếu, nhưng hạ khuyến nghị đối với cổ phiếu này từ KHẢ QUAN xuống PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG.

* Giá mục tiêu cao hơn của chúng tôi chủ yếu phản ánh (1) việc cập nhật thời gian định giá mục tiêu từ cuối năm 2026 sang giữa năm 2027 và (2) số dư tiềm năng ròng cao hơn tính đến cuối quý 1/2026.

* Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026/2027 lần lượt thêm 12%/15%, chủ yếu do lợi nhuận từ mảng cao su khả quan nhờ giá bán trung bình (ASP) dự kiến cao hơn và thu nhập từ đền bù đất gia tăng. KQKD sơ bộ 5T 2026 tích cực, với LNTT đạt 3,9 nghìn tỷ đồng (+30% YoY).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS tăng 29% YoY, đạt 6,8 nghìn tỷ đồng trong năm 2026, và tăng 11% so với năm 2026 lên mức 7,6 nghìn tỷ đồng trong năm 2027. Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận trong khoảng thời gian còn lại của năm 2026 và năm 2027 sẽ được hỗ trợ bởi thu nhập từ đền bù đất cao su tiếp tục được ghi nhận và ASP cao su duy trì trên mức trung bình giai đoạn 2023-2025.

* Với tỷ trọng đáng kể nguồn cung KCN mới tại miền Nam dự kiến được phát triển trên đất cao su chuyển đổi, quỹ đất cao su trong nước khoảng 280.000 ha của GVR có thể giúp tập đoàn đón đầu nhu cầu đất công nghiệp nhờ dòng vốn FDI bền vững. Chúng tôi dự báo doanh số cho thuê đất KCN hàng năm của GVR đạt trung bình 115 ha trong giai đoạn 2026-2030, so với mức khoảng 40 ha trong giai đoạn 2022-2025.

* Rủi ro/yếu tố hỗ trợ: Tiến độ phê duyệt dự án, phát triển hạ tầng và doanh số cho thuê đất tại các KCN mới phát triển trên đất cao su chuyển đổi chậm hơn/nhanh hơn kỳ vọng.

SIP: Thu nhập cốt lõi và sự cải thiện của doanh số bán đất KCN sẽ hỗ trợ duy trì triển vọng lợi nhuận - Cập nhật

Ngành	KCN & BĐS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	20/07/2026	TT Doanh thu	10,2%	3,0%	6,3%	5,3%
Giá hiện tại	46.950 VND	TT EPS	16,8%	0,2%	7,0%	7,0%
Giá mục tiêu	58.900 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	1.323	1.325	1.418	1.517
Giá mục tiêu gần nhất	69.800 VND	Biên LN gộp	15,6%	15,7%	16,2%	16,8%
TL tăng	+25,5%	Biên LN ròng	15,4%	15,0%	15,1%	15,3%
Lợi suất cổ tức	6,4%	P/E	9,2x	9,2x	8,6x	8,0x
Tổng mức sinh lời	+31,9%	P/B điều chỉnh	1,1x	1,0x	0,9x	0,8x
GT vốn hóa	11,3 nghìn tỷ đồng			SIP	Peers*	VNI
Room KN	5,5 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		9,3x	8,4x	14,8x
GTGD/ngày (30n)	5,3 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,0x	1,2x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	1,8%	ROE		25,7%	19,5%	15,1%
SL cổ phiếu lưu hành	242,1 tr	ROA		5,1%	6,9%	2,3%
Pha loãng	242,1 tr	* P/B điều chỉnh				

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA và giảm 16% giá mục tiêu của CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) xuống 58.900 đồng/cổ phiếu.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu nhằm phản ánh việc chúng tôi giả định vốn đầu tư XDCB ở mức cao hơn, việc loại trừ giá trị sổ sách của các công ty liên kết và khoản đầu tư khác ra khỏi định giá, cũng như việc áp dụng thêm mức chiết khấu thanh khoản 10%. Tuy nhiên, các yếu tố này được bù đắp một phần bởi mức số dư tiền mặt cuối quý 1/2026 cao hơn và việc dời thời điểm định giá sang giữa năm 2027.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh giảm 6% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cho các năm 2026/2027, chủ yếu do mức giảm của dự báo lợi nhuận gộp mảng nhà ở trong môi trường lãi suất cao, cùng với mức tăng của giả định chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (đi ngang YoY) do mức tăng của lợi nhuận gộp. Nguyên nhân của mức tăng này là do tỷ lệ lấp đầy KCN cao hơn và sự gia tăng của doanh thu mảng dịch vụ tiện ích, song tác động tích cực này bị bù trừ bởi việc chúng tôi cho rằng công ty sẽ không ghi nhận khoản thu nhập khác ròng nào (so với việc ghi nhận 46 tỷ đồng trong năm 2025).

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027 sẽ tăng 7% so với năm 2026, lên mức 1,4 nghìn tỷ đồng, nhờ mức tăng của thu nhập cốt lõi từ hoạt động cho thuê đất KCN, cho thuê nhà xưởng/nhà kho xây sẵn và cung cấp dịch vụ tiện ích. Chúng tôi kỳ vọng diện tích đất KCN cho thuê sẽ lần lượt đạt 54 ha/61 ha/69 ha trong các năm 2026/27/28, so với 29 ha trong năm 2025 và khoảng 48 ha trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026).

* SIP hiện đang giao dịch tại P/B điều chỉnh năm 2026/27 lần lượt là 1,0 lần/0,9 lần, thấp hơn mức trung vị hai năm của chính công ty là 1,4 lần. Chúng tôi cho rằng SIP hiện đang bị định giá thấp khi: (1) quỹ đất KCN và khu đô thị quy mô lớn tại các khu vực chiến lược ở miền Nam; (2) đà tăng trưởng ổn định của dòng tiền cốt lõi từ hoạt động cho thuê KCN và cung cấp dịch vụ tiện ích; và (3) năng lực cho thuê đã được chứng minh với các khách hàng FDI chủ chốt như Brotex, Gain Lucky, Sailun và First Solar.

* Rủi ro: Đà phục hồi cho thuê đất KCN chậm hơn kỳ vọng; các diễn biến bất lợi liên quan đến chính sách thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	52	0.0	8,800	25,500	190%	0.0%	190%	KQ	17/01/25	24.9	5.9	12.6	0.8
KDH	Bất động sản	25%	761	3.5	17,800	42,600	139%	0.0%	139%	MUA	11/05/26	20.1	13.2	17.7	1.1
DGC	Công nghiệp	45%	622	1.2	43,000	91,200	112%	7.0%	119%	MUA	02/03/26	5.7	5.5	12.6	1.1
NLG	Bất động sản	10%	438	1.9	23,700	45,800	93%	2.1%	95%	MUA	11/05/26	13.8	16.9	17.7	0.9
PVT	Dầu khí	37%	335	2.1	17,000	30,800	81%	5.9%	87%	MUA	13/03/26	8.0	5.5	11.2	1.0
BMI	Bảo hiểm	23%	76	0.1	13,250	23,100	74%	3.8%	78%	MUA	12/04/24	8.8	5.3	12.1	0.7
VGC	KCN	48%	666	0.5	39,000	66,800	71%	5.6%	77%	MUA	11/05/26	13.1	10.9	12.7	2.0
PLC	Dầu khí	49%	57	0.1	18,600	31,900	72%	5.4%	77%	MUA	12/09/25	110.7	6.0	12.6	1.2
DCM	Phân bón	43%	610	2.9	30,250	51,000	69%	8.3%	77%	MUA	25/05/26	8.9	5.5	12.6	1.4
GEX	Điện & Nước	43%	1,159	14.0	23,250	40,500	74%	2.2%	76%	MUA	06/07/26	20.7	20.6	11.2	1.6
DPG	Điện & Nước	30%	127	0.6	28,200	48,900	73%	2.1%	76%	MUA	11/06/26	8.7	9.1	12.7	1.1
HPG	VLXD	28%	6,625	16.4	20,600	35,400	72%	2.2%	74%	MUA	12/05/26	11.5	6.8	14.5	1.3
HDC	Bất động sản	48%	108	0.7	12,300	21,400	74%	0.0%	74%	KQ	09/01/26	4.4	9.1	17.7	1.0
HDG	Điện & Nước	33%	260	1.5	16,800	28,700	71%	0.0%	71%	MUA	16/07/26	10.0	12.6	17.7	1.0
HVN	Hàng không	22%	2,649	1.3	22,350	37,100	66%	0.0%	66%	KQ	22/07/25	9.5	8.0	21.6	6.8
IDC	KCN	33%	533	1.9	36,900	58,000	57%	8.1%	65%	MUA	04/06/26	7.3	7.1	17.7	2.1
FRT	Bán lẻ	18%	749	2.1	109,900	180,100	64%	0.0%	64%	MUA	17/06/26	23.5	16.4	11.2	4.4
PVS	Dầu khí	33%	715	3.7	36,700	60,000	63%	0.0%	63%	MUA	08/05/26	12.9	12.7	15.2	1.2
CTG	Ngân hàng	5%	9,112	10.5	30,800	50,000	62%	0.0%	62%	MUA	15/05/26	7.9	6.8	11.9	1.3
MBB	Ngân hàng	1%	6,995	12.2	22,800	36,000	58%	2.2%	60%	MUA	21/05/26	6.9	5.7	11.9	1.3
PTB	Công nghiệp	9%	132	0.1	34,600	52,000	50%	6.1%	56%	KQ	06/10/25	4.6	6.0	14.5	1.0
MSN	Bán lẻ	76%	3,604	13.3	64,800	101,200	56%	0.0%	56%	MUA	21/05/25	22.8	22.1	11.2	2.6
VPB	Ngân hàng	6%	7,555	17.4	25,000	38,000	52%	2.0%	54%	MUA	18/05/26	8.3	6.4	11.9	1.1
KBC	KCN	41%	969	4.2	27,000	40,400	50%	3.7%	53%	MUA	01/06/26	12.1	10.5	17.7	1.0
SIP	KCN	47%	433	0.2	46,950	69,800	49%	4.3%	53%	MUA	22/12/25	9.3	8.8	17.7	2.1
VRE	Bất động sản	37%	2,012	5.6	23,250	34,200	47%	4.3%	51%	PHTT	29/05/26	8.2	9.6	17.7	1.1
NVL	Bất động sản	44%	1,139	6.2	12,450	18,600	49%	0.0%	49%	MUA	18/06/26	15.4	20.1	17.7	0.7

REE	Điện & Nước	0%	1,078	1.3	45,450	66,900	47%	2.2%	49%	MUA	22/04/26	11.2	9.9	11.2	1.3
NT2	Điện & Nước	38%	228	0.4	20,800	28,800	38%	9.6%	48%	MUA	28/05/26	5.6	6.6	11.9	1.2
TCB	Ngân hàng	1%	8,084	18.7	29,950	42,600	42%	4.7%	47%	MUA	11/05/26	8.4	7.3	11.9	1.2
VTP	GTVT	45%	379	0.7	49,300	71,800	46%	0.0%	46%	PHTT	25/05/26	20.6	24.6	11.2	5.7
DXG	Bất động sản	31%	548	4.2	11,350	16,400	44%	0.0%	44%	MUA	06/04/26	62.2	65.0	17.7	1.0
ACG	Gỗ	12%	190	0.0	33,000	45,800	39%	5.2%	44%	MUA	15/07/25	10.4	8.2	14.5	1.1
PHR	Công nghiệp	37%	302	0.8	58,500	82,700	41%	2.2%	44%	MUA	15/07/26	18.4	8.4	12.6	1.8
SSI	Chứng khoán	69%	2,163	17.5	22,700	31,600	39%	4.4%	44%	MUA	16/07/26	13.3	14.5	17.4	1.4
CTR	CNTT	45%	335	0.8	68,600	96,800	41%	2.2%	43%	KQ	14/04/26	13.1	11.2	12.7	4.0
BVH	Bảo hiểm	22%	1,643	1.0	58,100	81,000	39%	1.8%	41%	MUA	11/06/26	15.5	11.7	12.1	1.7
DXS	Bất động sản	43%	138	0.3	6,240	8,800	41%	0.0%	41%	KQ	11/06/26	10.6	9.2	17.7	0.6
QTP	Điện & Nước	-1%	192	0.1	11,100	14,600	32%	9.0%	41%	MUA	10/12/25	4.9	7.6	11.9	0.9
TLG	Văn phòng phẩm	89%	172	0.2	46,900	61,900	32%	7.5%	39%	MUA	12/09/25	10.0	7.6	8.5	1.9
MCH	Bán lẻ	85%	6,738	8.1	135,300	181,700	34%	4.4%	39%	PHTT	28/11/25	26.2	22.9	13.2	10.3
VCB	Ngân hàng	10%	18,046	8.6	56,700	78,500	38%	0.0%	38%	MUA	18/05/26	14.6	12.3	11.9	2.0
FPT	CNTT	22%	4,381	25.0	67,100	90,300	35%	3.4%	38%	MUA	08/06/26	12.9	11.3	18.3	3.0
DHC	Công nghiệp	15%	121	0.3	30,000	40,100	34%	4.3%	38%	MUA	16/12/25	7.4	7.2	14.5	1.4
BID	Ngân hàng	12%	10,260	6.1	37,000	50,500	36%	0.0%	36%	MUA	21/05/26	9.7	9.0	11.9	1.5
F88	Tài chính TT	42%	605	0.4	71,900	98,000	36%	0.0%	36%	MUA	25/06/26	22.0	13.6	17.4	6.5
MWG	Bán lẻ	0%	4,227	13.8	75,200	101,000	34%	1.3%	36%	MUA	14/10/25	15.6	13.2	11.2	3.1
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2,311	1.0	47,300	59,000	25%	10.6%	35%	MUA	06/01/26	14.1	13.5	13.2	2.7
AST	DV Hàng không	3%	129	0.0	62,500	80,600	29%	5.6%	35%	MUA	26/08/25	11.3	10.9	11.2	4.9
SZC	KCN	19%	132	0.3	19,250	24,700	28%	5.2%	34%	KQ	01/07/26	10.9	26.4	17.7	1.1
TV2	Điện & Nước	8%	66	0.2	25,500	33,000	29%	3.9%	33%	KQ	13/07/26	29.0	19.8	11.2	1.3
POW	Điện & Nước	45%	1,583	8.2	13,550	18,000	33%	0.0%	33%	MUA	29/05/26	17.4	14.4	11.9	1.1
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	443	0.6	55,500	71,600	29%	3.6%	33%	MUA	26/01/26	9.1	7.0	13.2	1.2
DGW	Bán lẻ	26%	296	1.0	35,150	45,400	29%	2.8%	32%	KQ	18/06/26	14.2	12.1	11.2	2.1
GAS	Dầu khí	47%	6,718	3.1	73,100	93,600	28%	3.4%	31%	MUA	14/04/26	15.8	14.3	11.9	2.6
TPB	Ngân hàng	7%	1,537	7.4	14,550	18,600	28%	3.4%	31%	MUA	20/05/26	5.5	5.2	11.9	0.9

GMD	GTVT	8%	1,235	5.0	76,000	95,500	26%	3.3%	29%	MUA	25/05/26	20.6	13.4	11.2	2.4
DPM	Phân bón	46%	594	3.0	22,950	28,000	22%	6.5%	29%	PHTT	25/05/26	17.5	9.6	12.6	1.3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4,657	8.0	58,500	70,300	20%	6.8%	27%	MUA	24/04/25	13.0	13.9	13.2	3.7
NKG	VLXD	46%	195	0.6	10,400	13,100	26%	0.0%	26%	PHTT	18/04/25	23.6	8.0	14.5	0.7
PPC	Điện & Nước	45%	111	0.0	9,130	11,000	20%	5.5%	26%	KQ	10/12/25	18.0	9.0	11.9	0.6
PVD	Dầu khí	40%	682	9.6	19,300	24,150	25%	0.0%	25%	MUA	09/04/26	11.9	16.0	15.2	1.0
HDB	Ngân hàng	5%	5,119	14.3	26,850	33,000	23%	1.9%	25%	MUA	06/03/26	7.5	6.4	11.9	1.7
VIB	Ngân hàng	1%	1,938	6.6	14,950	18,500	24%	0.0%	24%	KQ	23/05/25	7.0	5.7	11.9	1.0
PLX	Xăng dầu	6%	1,660	2.8	34,300	41,100	20%	3.5%	23%	MUA	13/10/25	17.8	14.9	15.2	1.7
ACB	Ngân hàng	5%	5,052	12.7	22,850	27,100	19%	3.1%	22%	MUA	21/05/26	7.6	6.6	11.9	1.3
ACV	Hàng không	47%	5,532	0.8	40,000	48,000	20%	0.0%	20%	PHTT	18/05/26	12.8	12.7	11.2	2.0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	677	0.3	48,400	53,400	10%	8.3%	19%	KQ	30/08/24	9.3	6.9	13.2	1.7
SCS	DV Hàng không	22%	175	0.2	47,850	51,200	7%	11.5%	18%	PHTT	13/01/26	6.0	6.5	21.6	3.0
PNJ	Bán lẻ	2%	799	8.6	41,000	46,500	13%	4.9%	18%	PHTT	12/07/26	8.0	7.2	8.5	1.5
VHM	Bất động sản	42%	21,418	30.0	136,900	153,700	12%	4.4%	17%	PHTT	29/05/26	13.4	10.2	17.7	2.1
BWE	Điện & Nước	47%	382	0.5	45,550	51,600	13%	2.9%	16%	MUA	13/05/26	11.7	12.6	11.9	1.6
BMP	VLXD	18%	483	1.0	154,900	163,000	5%	10.0%	15%	MUA	17/06/26	10.4	9.9	12.7	4.5
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4,701	9.5	24,650	27,000	10%	2.8%	12%	PHTT	18/03/26	23.8	7.5	15.2	1.8
GVR	Công nghiệp	12%	4,251	2.1	27,900	30,500	9%	1.4%	11%	KQ	31/12/25	21.0	18.3	12.6	1.9
VEA	Ô-tô	48%	1,745	0.2	34,400	30,800	-10%	14.0%	4%	PHTT	28/10/25	6.2	6.4	11.2	1.6
HSG	VLXD	46%	327	1.2	10,650	10,400	-2%	4.7%	2%	PHTT	18/04/25	13.7	14.7	14.5	0.8
TDM	Điện & Nước	49%	284	0.3	61,000	60,600	-1%	2.1%	1%	KQ	13/05/26	35.1	34.0	11.9	2.9
STB	Ngân hàng	19%	5,242	14.4	73,000	73,500	1%	0.0%	1%	PHTT	18/05/26	25.6	23.0	11.9	2.2
PC1	Điện & Nước	41%	322	4.4	20,550	N/A	N.A	0.0%	0%	#N/A	02/02/26	8.7	7.7	12.7	1.3
OIL	Dầu khí	6%	551	0.9	13,800	12,700	-8%	0.7%	-7%	KQ	17/10/25	33.7	30.5	15.2	1.3
VJC	Hàng không	24%	3,867	18.1	132,000	114,000	-14%	0.0%	-14%	KQ	15/03/24	36.8	14.8	21.6	3.9
LPB	Ngân hàng	4%	6,087	25.2	53,500	39,300	-27%	1.9%	-25%	KKQ	18/11/25	14.1	14.8	11.9	3.2
VIC	Bất động sản	45%	65,045	45.4	220,000	110,000	-50%	0.0%	-50%	BÁN	12/06/26	144.8	62.3	17.7	11.5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	127.770	2.457	20	13,4	10,6	9,0	15,2	1,6	19,5	15,0	11,7	1,8	3,4%
KHẢ QUAN	16	15.586	974	3	13,3	14,2	11,0	16,7	2,1	21,2	17,6	14,2	2,0	2,4%
PHÙ HỢP TT	13	49.858	3.835	2	17,5	14,6	11,3	16,8	2,1	23,6	15,8	12,5	2,6	4,4%
KÉM KHẢ QUAN	1	6.087	6.087	0	17,3	14,1	14,8	10,4	3,2	17,3	14,1	14,8	3,2	1,9%
BÁN	1	65.045	65.045	1	137,5	144,8	62,3	72,4	11,5	137,5	144,8	62,3	11,5	0,0%
TỔNG CỘNG	83	264.346	3.185	26	18,4	15,1	12,3	16,9	2,2	21,8	17,1	12,9	2,1	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	85.027	7.086	11	11,1	9,6	8,2	12,8	1,5	10,9	10,2	9,1	1,6	1,6%
Bảo hiểm	2	1.719	859	1	19,7	15,0	11,1	21,2	1,6	15,0	12,2	8,5	1,2	2,8%
Chứng khoán	1	2.163	2.163	1	18,2	13,3	14,5	18,5	1,4	18,2	13,3	14,5	1,4	4,4%
Tài chính thay thế	1	605	605	0	45,1	22,0	13,6	30,0	6,5	45,1	22,0	13,6	6,5	0,0%
Tiêu dùng	13	26.753	2.058	4	17,1	14,8	13,7	19,4	3,2	20,2	14,2	12,3	3,1	5,1%
CNTT	1	4.381	4.381	1	15,7	12,9	11,3	17,4	3,0	15,7	12,9	11,3	3,0	3,4%
Bất động sản	9	91.606	10.178	2	58,0	36,9	26,0	26,2	4,3	35,5	32,6	24,0	2,2	1,2%
Vật liệu	4	7.630	1.908	1	14,6	11,7	7,2	19,0	1,2	13,2	14,8	9,9	1,8	4,2%
Điện & Nước	12	5.793	483	1	20,0	12,9	12,4	17,5	1,3	25,5	15,1	13,7	1,3	3,3%
Dầu khí	10	16.624	1.662	2	23,1	16,8	10,6	20,9	1,8	33,1	26,1	12,3	1,5	3,7%
Công nghiệp	5	1.117	223	0	7,2	6,4	6,1	12,0	1,1	11,1	10,6	6,6	1,1	4,5%
Khu công nghiệp	7	7.286	1.041	1	20,7	15,1	13,2	19,4	1,7	21,1	13,2	12,9	1,7	4,4%
GTVT & Logistics	7	13.965	1.995	1	13,4	14,9	11,9	18,0	2,9	16,8	16,8	13,0	4,1	2,9%
TỔNG CỘNG	84	264.668	3.151	26	18,4	15,1	12,3	16,9	2,2	21,8	17,1	12,9	2,1	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB		14%	MUA		
BID		8%	KQ		
CTG		17%	MUA		
HDB		17%	KQ		
LPB		-4%	KKQ		
MBB		20%	MUA		
STB		11%	PHTT		
TCB		15%	MUA		
TPB		5%	MUA		
VCB		19%	MUA		
VIB		22%	KQ		
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI		68%	MUA		
BVH		33%	MUA		
SSI		-7%	MUA		
F88		62%	MUA		
Tiêu dùng					
CTR		17%	KQ		
DGW		17%	KQ		
FPT		14%	MUA		
FRT		44%	MUA		
MSN (2)		42%	MUA		
MCH		15%	PHTT		
MWG		18%	MUA		
PNJ		11%	PHTT		
QNS		33%	KQ		
SAB		5%	MUA		
TLG		20%	MUA		
VEA		-1%	PHTT		
VHC		25%	MUA		
VNM		6%	MUA		
GTVT & Logistics					
ACV		3%	PHTT		
AST		6%	MUA		
GMD (2)		30%	BUY		
HVN		19%	PHTT		

SCS	-6%	PHTT	
VJC	N.A	KQ	
VTP	-16%	PHTT	
Bất động sản			
DXG	-4%	MUA	
DXS	15%	KQ	
HDC	-51%	KQ	
NVL	-23%	MUA	
KDH	52%	MUA	
NLG	-18%	MUA	
VHM	31%	PHTT	
VIC	132%	BÁN	
VRE	-14%	PHTT	
Khu công nghiệp			
GVR	15%	KQ	
IDC	3%	MUA	
KBC	15%	MUA	
PHR	118%	MUA	
SIP	6%	MUA	
SZC	-59%	KQ	
Vật liệu & Công nghiệp			
ACG (2)	26%	MUA	
BMP	5%	MUA	
DGC	23%	MUA	
DHC	3%	MUA	
HPG	68%	MUA	
HSG (1)	-5%	PHTT	
NKG	202%	PHTT	
PTB	-19%	KQ	
STK	231%	KQ	
Điện & Nước			
BWE (2)	-8%	MUA	
GEX	1%	MUA	
HDG	22%	KQ	
NT2	-16%	MUA	
PC1	N/A	N/A	
POW	20%	MUA	
PPC	99%	KQ	
QTP	-35%	MUA	
REE	17%	MUA	
TDM (2)	-47%	0%	KQ
TV2		46%	KQ
DPG		-4%	MUA
VGC		12%	MUA

LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.

Dầu khí		
BSR	215%	PHTT
DCM (2)	61%	MUA
DPM	82%	PHTT
GAS	10%	MUA
OIL (2)	39%	KQ
PLX (2)	19%	MUA
PLC	834%	MUA
PVD (2)	55%	MUA
PVS (2)	7%	MUA
PVT (2)	49%	MUA

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.743,51	-43,94
VN 30	1.887,32	-44,33
VN Mid	1.904,60	-72,45
VNSmall	1.246,82	-33,25

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	284,41	-7,29
HNX30	466,88	-20,89
VNX Allshare	2.801,16	-73,75

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	126,34	-1,04

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.742,6	8,9%
Khối ngoại mua	1.461,3	7,4%
Khối ngoại bán	1.507,2	7,7%
Tổng giao dịch	19.625,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	0,3	0,0%
Khối ngoại mua	5,5	0,4%
Khối ngoại bán	45,5	3,5%
Tổng giao dịch	1.307,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	142,7	37,7%
Khối ngoại mua	2,5	0,7%
Khối ngoại bán	4,1	1,1%
Tổng giao dịch	378,1	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VVS	4.700	5,2%
BMP	3.300	2,2%
CSM	200	1,5%
SHI	200	1,4%
HCM	350	1,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHN	900	9,4%
KSF	6.500	8,7%
PSD	200	1,2%
DXP	0	0,0%
HUT	0	0,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VNZ	25.703	5,9%
SCL	1.197	5,3%
APF	523	1,1%
QTP	123	1,1%
FOC	418	0,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
GEX	-1.750	-7,0%
DXG	-850	-7,0%
CTD	-4.400	-6,9%
BCM	-3.050	-6,9%
VIX	-950	-6,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CEO	-1.200	-9,2%
BVS	-2.800	-9,0%
SHS	-1.400	-8,5%
PSI	-900	-7,8%
LAS	-1.000	-7,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BNW	-4.900	-14,9%
TVN	-586	-5,9%
AAS	-331	-4,1%
VIW	-872	-3,3%
DRI	-429	-3,3%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	1.132,6
SHB	1.003,5
SSI	844,7
VIX	684,4
MWG	664,2

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	396,9
MBS	235,0
CEO	111,1
PVS	102,0
BVS	78,1

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
BNW	74,7
OIL	35,1
TIN	30,7
MSR	27,9
HNG	27,6

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BWE	2.799.672	290.888
HT1	1.188.935	175.963
CSM	3.436.336	587.363
SJS	3.039.522	528.260
DBC	7.697.813	1.610.993
BCE	1.049.533	236.196
RYG	607.700	145.151
DC4	350.026	85.179
SAM	3.455.377	843.088
ABS	1.402.436	376.427

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
EVS	1.388.877	299.207
TTH	1.053.683	297.625
LAS	431.948	148.029
ITQ	368.272	150.235
BVS	2.731.363	1.223.827
NAG	133.134	62.908
DXP	228.548	109.732
VHE	293.161	148.993
CEO	8.999.981	4.591.796
MST	2.748.092	1.449.983

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SCL	165.591	68.308
DSH	155.910	70.482
HNG	4.119.392	2.235.682
BIG	533.228	352.396
C4G	321.987	221.086
ABW	617.164	436.423
DRI	593.313	428.016
ACV	640.526	467.533
QTP	339.285	248.270
VGI	310.035	234.149

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.522		14,8	2,0	6,0%
TCX	4.417	90,7%	18,7	2,5	13,7%
VCK	2.755	96,3%	16,6	2,4	0,0%
SSI	2.163	69,1%	10,6	1,4	0,0%
VPX	1.953	95,8%	9,5	1,4	16,2%
HCM	1.324	14,7%	18,7	2,4	0,0%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	552		11,3	1,5	0,0%
BVH	1.643	21,7%	14,6	1,7	0,0%
PVI	664	43,1%	13,2	2,0	0,0%
BIC	167	7,5%	9,2	1,3	0,0%
VNR	148	22,8%	8,3	1,0	0,0%
MIG	137	83,1%	11,0	1,3	0,0%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.574		15,7	3,3	9,1%
ACV	5.532	47,3%	13,6	2,0	0,0%
MVN	2.502	0,0%	28,0	4,5	0,0%
GEE	1.854	49,0%	13,7	6,0	45,6%
VEA	1.745	47,6%	6,0	1,6	0,0%
GMD	1.235	8,3%	17,1	2,4	0,0%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.622		15,1	4,2	0,0%
MCH	6.738	84,5%	25,4	10,3	0,0%
VNM	4.657	51,2%	11,9	3,7	0,0%
MSN	3.604	76,1%	19,8	2,6	0,0%
SAB	2.311	41,4%	12,6	2,7	0,0%
PNJ	799	1,8%	5,8	1,5	0,0%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.662		14,9	1,4	0,0%
BSR	4.701	47,8%	9,4	1,8	0,0%
PLX	1.660	6,0%	24,5	1,7	0,0%
PVS	715	33,0%	9,7	1,2	0,0%
PVD	682	40,4%	15,1	1,0	0,0%
OIL	551	6,4%	15,7	1,3	0,0%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.167		11,2	1,7	0,0%
GAS	6.718	46,9%	15,2	2,6	0,0%
POW	1.583	45,4%	12,1	1,1	0,0%
REE	1.078	0,0%	10,8	1,3	0,0%
PGV	982	50,0%	5,9	1,4	0,0%
DNH	475	0,0%	11,9	2,3	0,0%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.648		133,8	6,1	0,0%
VIC	65.045	44,9%	146,1	11,5	0,0%
VHM	21.418	42,5%	8,7	2,1	0,0%
KSF	2.776	50,0%	5,8	4,2	0,0%
VRE	2.012	37,2%	7,7	1,1	0,0%
THD	1.991	48,9%	500,8	11,8	0,0%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.611		8,5	1,4	3,5%
VCB	18.046	9,8%	13,2	2,0	0,0%
BID	10.260	12,5%	8,4	1,5	0,0%
CTG	9.112	5,4%	6,3	1,3	0,0%
TCB	8.084	1,1%	8,2	1,2	0,0%
VPB	7.555	6,3%	6,7	1,1	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.358		27,6	4,4	0,0%
VPL	5.301	47,1%	55,4	3,7	0,0%
MWG	4.227	0,3%	13,6	3,1	0,0%
VJC	3.867	23,7%	40,2	3,9	0,0%
HVN	2.649	21,5%	7,4	6,8	0,0%
FRT	749	17,8%	21,5	4,4	0,0%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.816		18,8	2,4	0,0%
HPG	6.625	27,7%	8,2	1,3	0,0%
GVR	4.251	12,4%	17,7	1,9	0,0%
MSR	1.478	99,9%	50,4	3,1	0,0%
KSV	1.105	0,0%	11,1	4,8	0,0%
DGC	622	44,6%	6,3	1,1	0,0%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	247		37,1	2,8	0,0%
DHG	452	46,0%	13,2	2,7	0,0%
IMP	221	5,3%	16,3	2,4	0,0%
DHT	211	9,3%	133,7	5,1	0,0%
DBD	178	83,4%	16,0	2,6	0,0%
DVN	171	-0,0%	6,5	1,2	0,0%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	965		-5,4	1,5	0,0%
FPT	4.381	21,6%	11,8	3,0	0,0%
CMG	222	13,5%	14,1	1,8	0,0%
SAM	89	48,5%	23,2	0,6	0,0%
SGT	66	-5,5%	-90,1	0,8	0,0%
ELC	65	46,7%	13,9	1,3	0,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

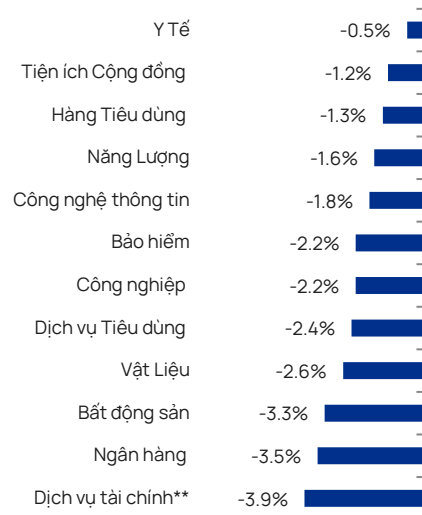
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

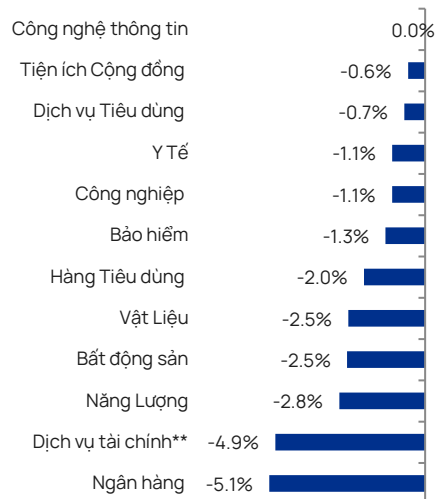
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



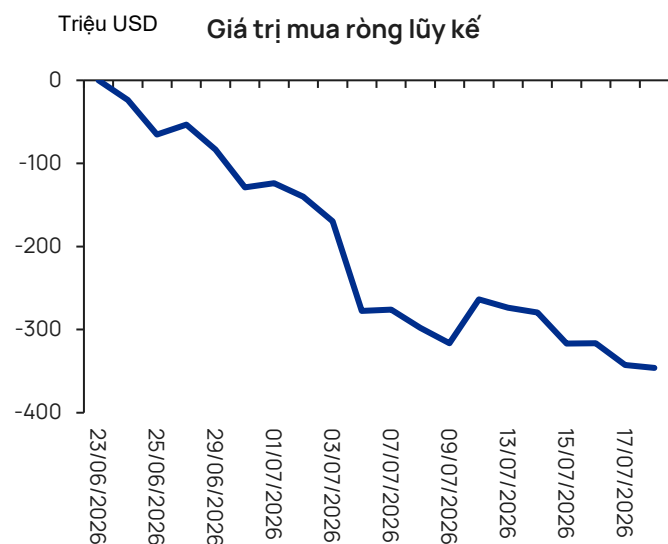
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



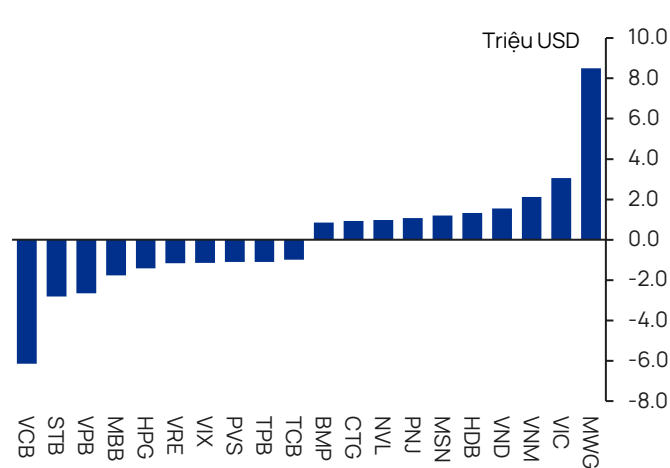
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



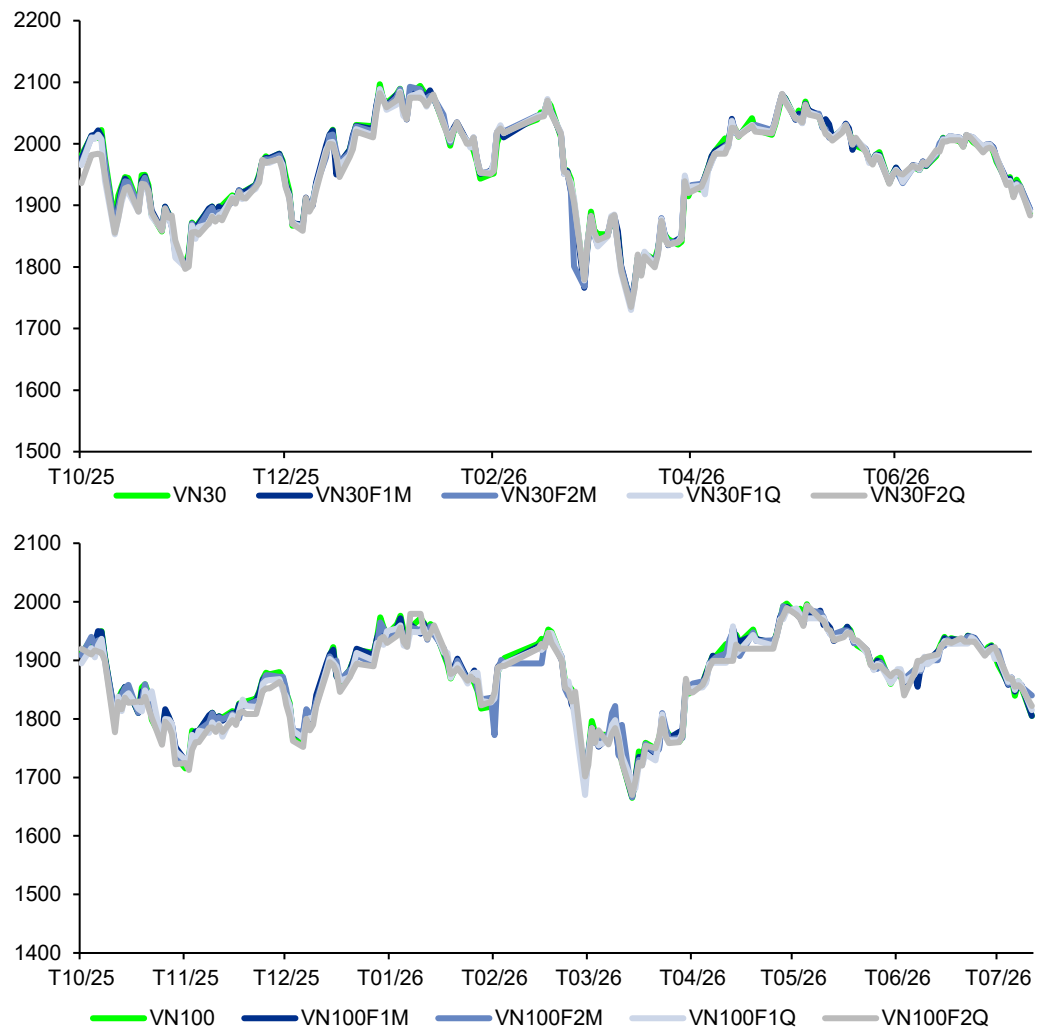
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.893,0	-37,0	-1,9%	5,7
VN30F2M	1.893,7	-37,8	-2,0%	6,4
VN30F1Q	1.890,2	-35,4	-1,8%	2,9
VN30F2Q	1.883,7	-46,1	-2,4%	-3,6
VN100F1M	1.804,9	-52,6	-2,8%	-0,3
VN100F2M	1.840,0	-15,0	-0,8%	34,8
VN100F1Q	1.815,0	-42,0	-2,3%	9,8
VN100F2Q	1.821,8	-30,7	-1,7%	16,6

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	35.097	21,1%	223,43	65,1%
VN30F2M	773	17,7%	0,47	270,3%
VN30F1Q	894	0,1%	0,02	-11,5%
VN30F2Q	20	122,2%	0,03	85,7%
VN100F1M	58	38,1%	0,08	13,2%
VN100F2M	14	16,7%	0,01	900,0%
VN100F1Q	85	25,0%	0,03	136,4%
VN100F2Q	2	100,0%	0,00	100,0%

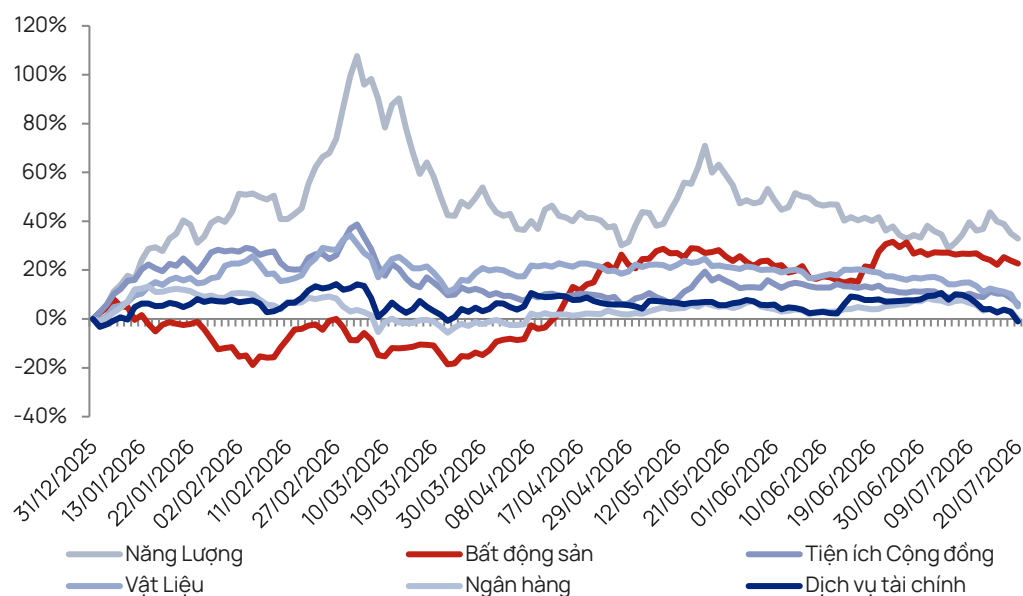


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

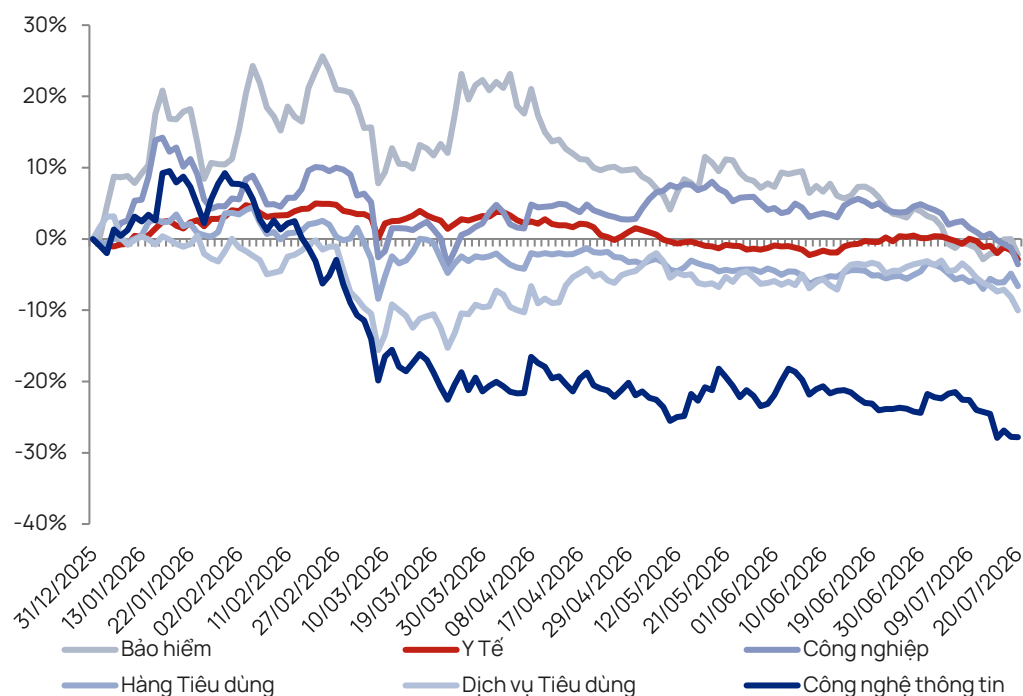
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



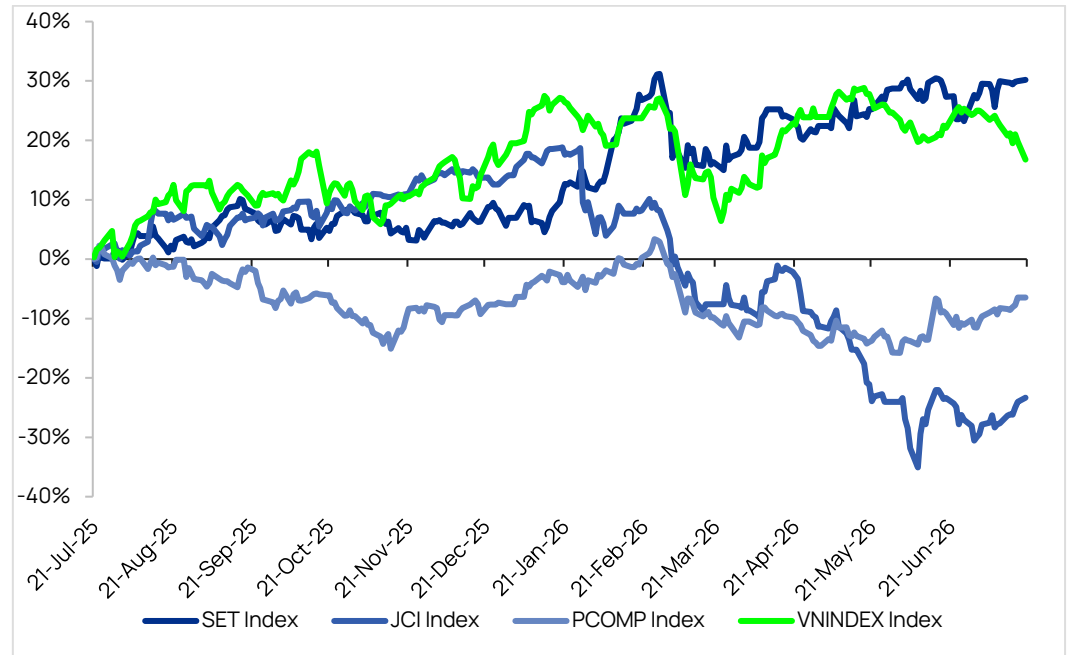
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



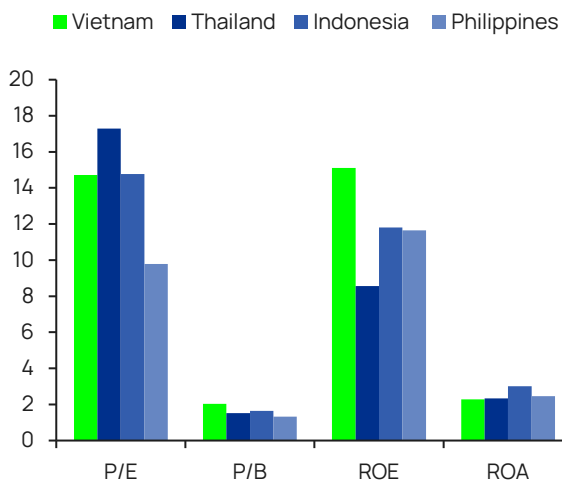
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,3	14,8	9,8	14,7
P/B	1,5	1,6	1,3	2,0
ROE (%)	8,6	11,8	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,0	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	612,9	584,3	146,4	324,4
GTGD trung bình, tr USD	1.585,6	1.167,5	81,3	985,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	2.143,9	-4.364,6	-173,9	-3.145,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	403,1	49,2	25,4	(70,6)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,51%	7,25%	7,09%	4,21%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyễn Cẩm Giang
Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.